

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2024
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Dũng
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc T trình bày: bà và ông Nguyễn Văn T1 tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 10/8/2016. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn ông T1 thường đe dọa gia đình bà, ông bà sống ly thân hơn 01 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1. Về con chung, bà và ông T1 có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V (nữ) sinh ngày 17/12/2015 và Nguyễn Ngọc Bảo H (nữ) sinh ngày 05/8/2020, bà yêu

cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có

Bị đơn - ông Nguyễn Văn T1 trình bày: ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T, đồng ý giao các con chung Nguyễn Ngọc Bảo H (nữ) sinh ngày 5/8/2020, Nguyễn Ngọc Bảo V (nữ) sinh ngày 17/12/2015 cho bà T nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không có. Do ông bận buôn bán nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 10/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bà T và ông T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Bà T xác định trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống với nhau hơn một năm nay. Ông T1 có bản tự khai đồng ý ly hôn với bà T. Xét bà T và ông T1 có một khoảng thời gian sống ly thân, trong khoảng thời gian này, bà T xác định ông bà không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T1 tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông T1 không tham dự. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung, ông T1, bà T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V (nữ) sinh ngày 17/12/2015 và Nguyễn Ngọc Bảo H (nữ) sinh ngày 05/8/2020, bà T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, các cháu H và V đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Cháu Bảo V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu V cho bà T tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không có tài sản chung và nợ chung.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T với ông Nguyễn Văn T1.

- *Về con chung*: giao Nguyễn Ngọc Bảo V (nữ) sinh ngày 17/12/2015, Nguyễn Ngọc Bảo H (nữ) sinh ngày 05/8/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T1, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0006098 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;

- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa